

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/06/20120 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 ngày 12/6/2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung ” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú; Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện tại: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị M có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 13/02/2020 chị M trình bày: Chị M và anh Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2005 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, Sau khi kết hôn vợ chồng chị M sống chung với bố mẹ chồng tại thôn P, xã T nhưng ở riêng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, sau khi kết hôn vài tháng anh Đ phát sinh chơi bời, cờ bạc, trai gái, ban đầu ít dần dần thường xuyên hơn từ đó vợ chồng mâu thuẫn cả hai không tìm được tiếng nói chung khiến gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt ảnh hưởng không nhỏ tới việc học hành của các con nhiều lần chị M khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi còn đánh đập chị rất nhiều lần khi phải đi viện khi thì Bác sỹ đến nhà tiêm đến tháng 12/2019 âm lịch xin bố mẹ chồng về nhà bố mẹ để vợ chồng từ đó không quan tâm gì đến nhau nữa, nay chị M xin ly hôn anh Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị M và anh Đ có 3 con chung là Nguyễn Q H, sinh ngày 21/9/2006, cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2009 cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 1/2/2014. Chị M xin nuôi cháu P còn hai cháu nguyện vọng ở với ai thì chị cũng nhất trí nếu Tòa giao hai con cho chị nuôi chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ: Tại phiên tòa, anh Đ xác định diên biến quan hệ hôn nhân và gia đình như chị M trình bày, riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh không nhất trí với ý kiến của chị M, anh không cờ bạc, trai gái không đánh chửi chị M mà vợ chồng mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế. Chị M muốn đi xuất khẩu lao động xong anh không đồng ý nên vợ chồng mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Về việc ly hôn của chị M anh cũng nhất trí. Về con chung anh để các cháu tự quyết định nếu Tòa giao hai con cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị M giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ

án, chị M đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Anh Đ không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh Đ chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 21/09/2006 và cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 01/02/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Như Q sinh ngày 12/9/2009 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: chị Đinh Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Đinh Thị M với anh Nguyễn Văn Đ. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị M, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật, chị M chấp hành đầy đủ còn anh Đ không chấp hành. Đến ngày 12/6/2020 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 9/11/2005 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn chị M và anh Đ chung sống ở thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2016 thì vợ chồng chị M xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị M và anh Đ trình bày có những điểm khác nhau. Nhưng cả hai đều xác định điểm chung là do vợ chồng không hợp nhau

về nhiều mặt và mâu thuẫn về kinh tế. Trên thực tế chị M và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2019, Từ đó hai người không còn trách nhiệm gì với nhau. Đối với anh Nguyễn Văn Đ, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị M, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Đ, anh Đ đến Tòa án nhiều lần trình bày về việc khởi kiện của chị M nhưng anh từ chối không ký vào biên bản cũng như không viết bản tự khai với lý do chị M phải làm lại đơn khởi kiện theo ý của anh thì anh sẽ hợp tác và giải quyết việc nhanh chóng. Những yêu cầu trên của anh Đ là không phù hợp và không đúng quy định của pháp luật. Thực tế này chứng minh anh Đ không muốn hàn gắn tình cảm, hạnh phúc gia đình giữa anh và chị M. Tại phiên tòa anh Đ cũng nhất trí ly hôn với chị M. Xét khả năng đoàn tụ vợ chồng chị M, anh Đ không còn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Xử lý hôn giữa chị M và anh Đ để hai người sớm ổn định cuộc sống. (Áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014)

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét điều kiện thực tế của chị M và anh Đ, cũng như nguyện vọng của cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 21/9/2006 muốn ở với mẹ còn cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 01/02/2015 còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của chị M. Vì vậy cần giao cháu H và cháu P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra việc giải quyết.

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Từ lời khai và yêu cầu của chị M và anh Đ không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của Pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị M và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 21/9/2006 và cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 1/2/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung, về công nợ chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp 300.000đ, chị M đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 00000 349 ngày 13 /02 /2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Ninh Bình

VKSND huyện N

THADS huyện N

UBND xã T.

Đương sự

- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

